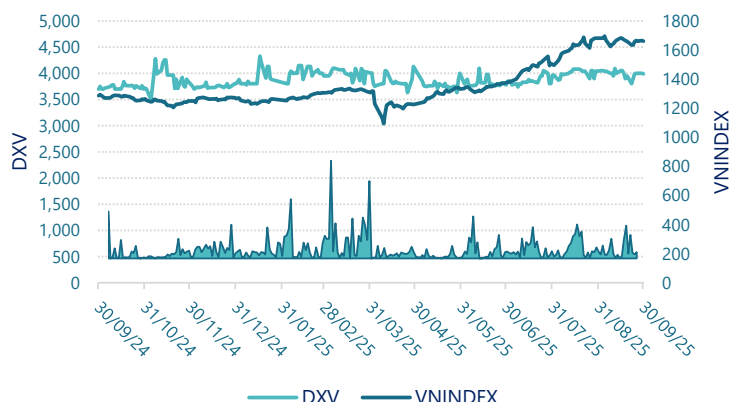


CTCP VICEM Vật liệu Xây dựng Đà Nẵng (HSX: DXV)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 30/09/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	3,990
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	4,330
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	3,500
SL cổ phiếu LH	9,900,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	9,230
% sở hữu nước ngoài	0.5%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	40
P/E	-32.1
EPS	-124

DT thuần

Q3/25

50.9

tỷ VNĐ

QoQ: ▼10.2 | -16.8%

YoY: ▲ 2.50 | 5.1%

LN sau thuế

Q3/25

0.22

tỷ VNĐ

QoQ: ▼0.21 | -49.1%

YoY: ▲ 1.81 | 114%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

0.4%

+/- YoY: ▲ 3.7%

DT thuần

9T 2025

152

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 23.0 | 17.6%

LN sau thuế

9T 2025

0.68

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 4.45 | 118%

ROE

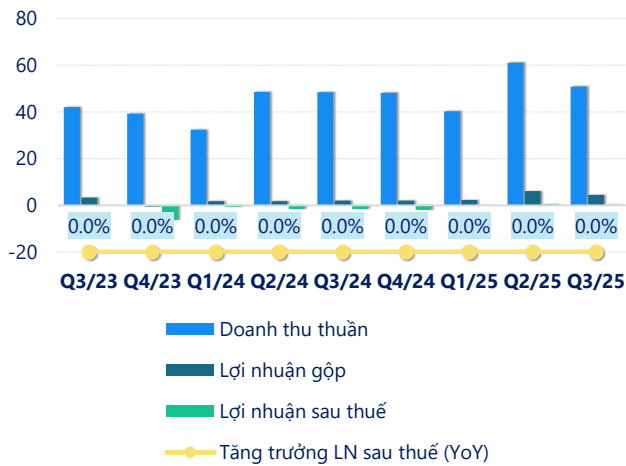
Q3/25

-1.3%

+/- YoY: ▲ 8.2%

tỷ VNĐ

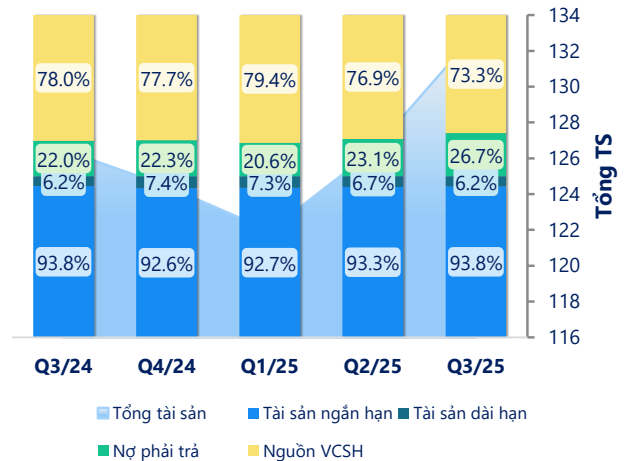
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

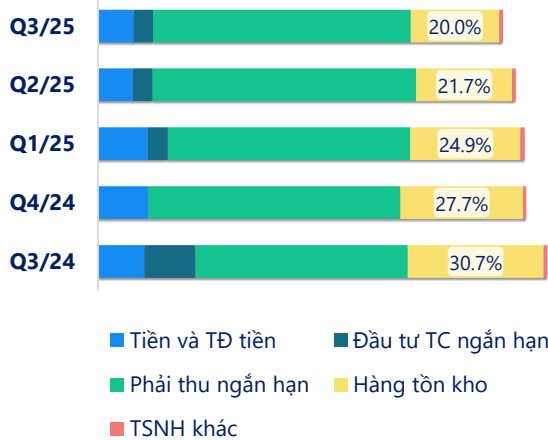
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



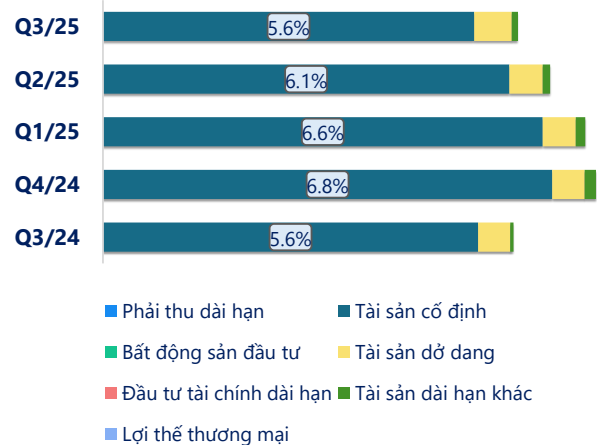
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

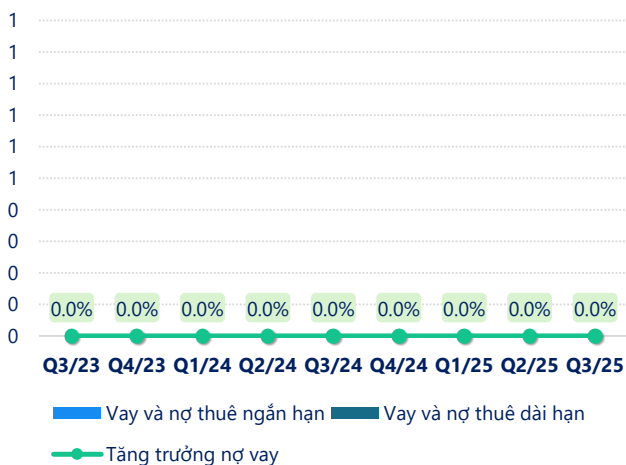
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

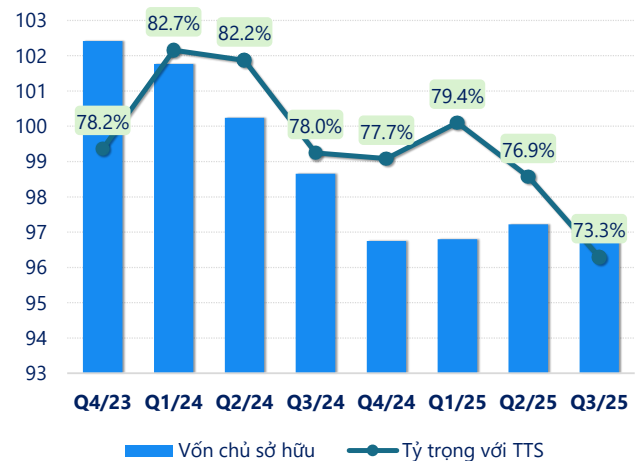
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

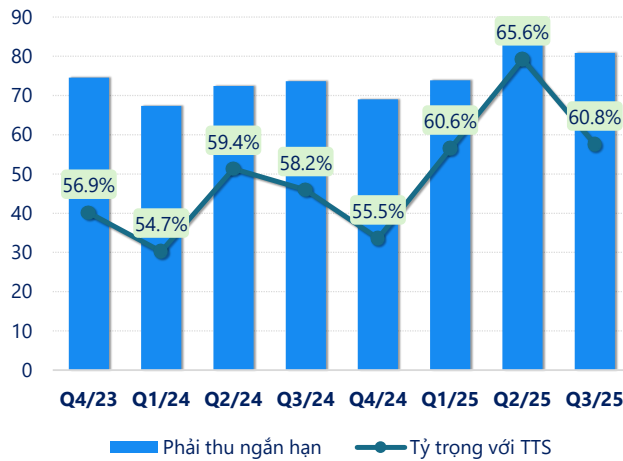
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



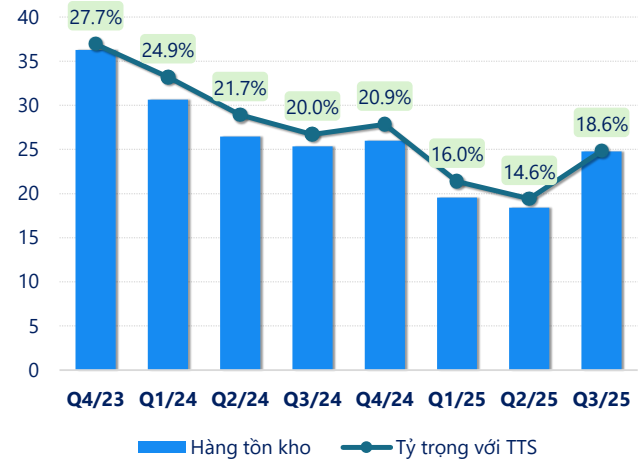
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


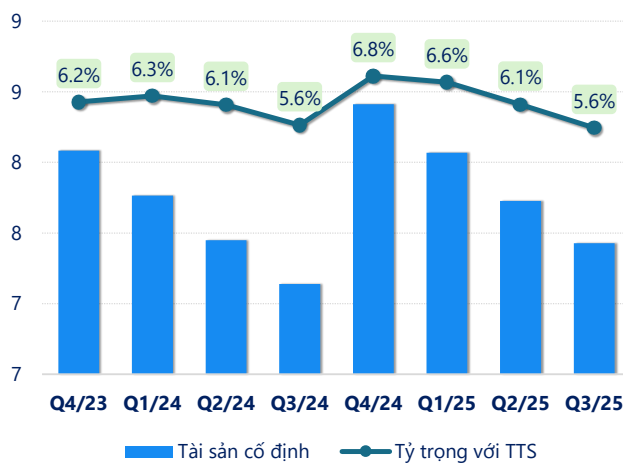
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


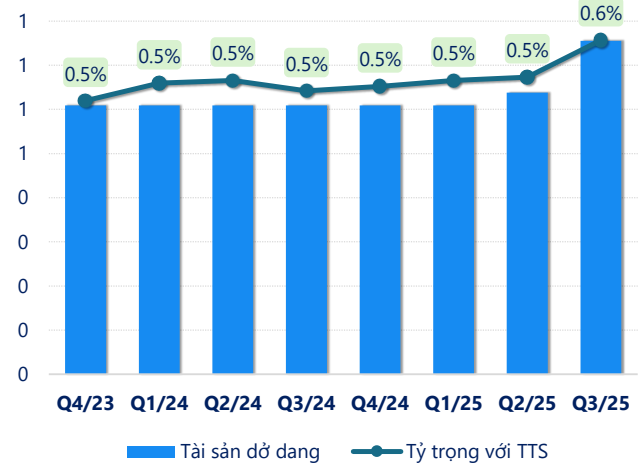
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

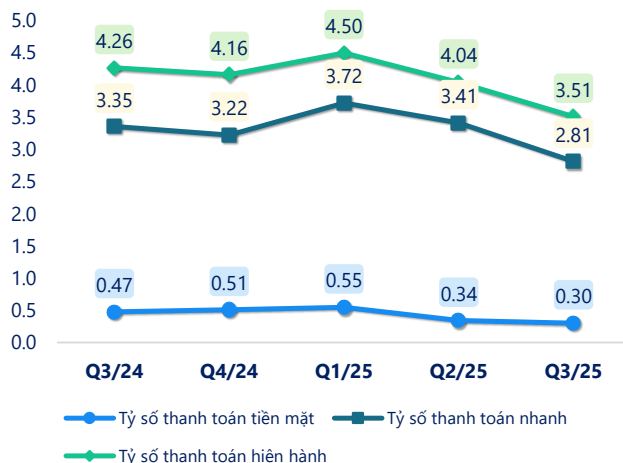
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

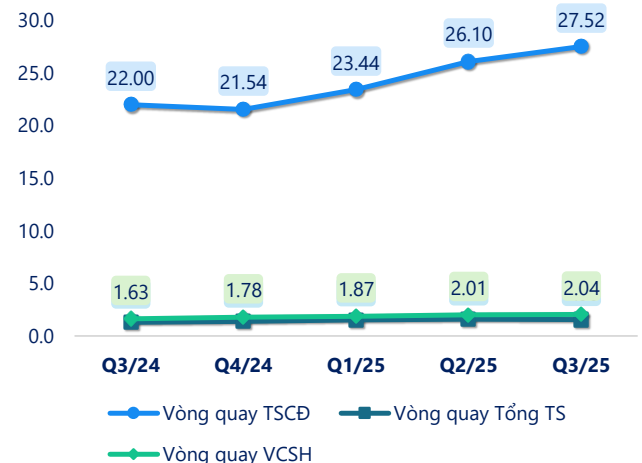
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	126	124	122	126	133
Tài sản ngắn hạn	119	115	113	118	125
Tiền và tương đương tiền	13.2	14.1	13.7	9.91	10.6
Đầu tư tài chính ngắn hạn	5.50	5.50	5.50	5.50	6.50
Phải thu ngắn hạn	73.6	69.0	73.9	82.9	80.8
Hàng tồn kho	25.3	26.0	19.5	18.4	24.8
Tài sản ngắn hạn khác	0.99	0.65	0.47	1.14	1.91
Tài sản dài hạn	7.81	9.23	8.85	8.50	8.30
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	7.14	8.41	8.07	7.73	7.43
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0.61	0.61	0.61	0.64	0.76
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	0.06	0.21	0.17	0.14	0.12
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	27.8	27.7	25.2	29.2	35.5
Nợ ngắn hạn	27.8	27.7	25.2	29.2	35.5
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải trả người bán ngắn hạn	22.7	21.9	21.2	22.7	25.3
Nợ dài hạn	0	0	0	0	0
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	98.7	96.7	96.8	97.2	97.4
Vốn chủ sở hữu	98.7	96.7	96.8	97.2	97.4
Vốn điều lệ	99.0	99.0	99.0	99.0	99.0
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)